

Số **2670** BNN- TC
V/v góp ý dự thảo Thông tư về phí, lệ phí
trong lĩnh vực trồng trọt

Hà Nội, ngày **16** tháng **9** năm **2011**

Kính gửi: Bộ Tài chính

Phúc đáp công văn số 10786/BTC-CST ngày 21/8/2011 của Bộ Tài chính v/v lấy ý kiến vào thảo Thông tư quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có một số ý kiến như sau:

1. Về nội dung của dự thảo Thông tư

+ Tại dự thảo thu phí, lệ phí bao gồm danh mục về phí, lệ phí giống cây lâm nghiệp, do đó đề nghị sửa tên Thông tư là “Thông tư quy định về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp”.

+ Tại Điều 1, Điều 2 sau cụm từ “trồng trọt” bổ sung thêm cụm từ “ và giống cây lâm nghiệp”.

2. Về căn cứ thu phí, lệ phí

Các công việc, dịch vụ phải thu phí, lệ phí trong dự thảo Thông tư đều phù hợp với các văn bản quy phạm pháp luật (Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Thông tư) do các cơ quan Trung ương quy định các thủ tục hành chính, dịch vụ do cơ quan quản lý nhà nước (Cục Trồng trọt, Sở Nông nghiệp và PTNT được Bộ uỷ quyền) hoặc tổ chức, cá nhân được cơ quan có thẩm quyền giao hoặc chỉ định thực hiện để quản lý chất lượng giống cây trồng (bao gồm cả giống lâm nghiệp), phân bón, sản phẩm trồng trọt và lĩnh vực bảo hộ giống cây trồng.

3. Về bố cục của Biểu mẫu thu phí, lệ phí

a) Đề nghị sắp xếp thành các nhóm nội dung như sau:

I. Phí về giống cây trồng;

II. Phí về bảo hộ giống cây trồng;

III. Phí chỉ định, giám sát phòng kiểm nghiệm, tổ chức chứng nhận;

IV. Lệ phí về giống cây nông nghiệp và phân bón;

V. Lệ phí về giống cây lâm nghiệp;

VI. Lệ phí về bảo hộ giống cây trồng.

b) Nội dung khảo nghiệm DUS và VCU:

- Không nên quy định mức thu cho từng loài cây trồng, vì số lượng loài cây trồng rất lớn (hiện danh mục loài cây trồng được bảo hộ là 67 loài), nên chỉ quy định theo nhóm cây trồng : cây hàng vụ (ngắn ngày), cây hàng năm, cây lâu năm.

- Gộp nội dung tác giả tự khảo nghiệm DUS thì nộp 50% phí khảo nghiệm DUS (II.1) vào nội dung khảo nghiệm DUS cho ngắn gọn.

- Gộp nội dung cấp giấy phép trao đổi với nước ngoài giống cây trồng, trong Danh mục giống cây trồng, cấm xuất khẩu để nghiên cứu khoa học hoặc mục đích khác (IV.8) vào nội dung (IV.1): Cấp giấy phép xuất, nhập khẩu giống, nguồn gen cây trồng.

- Gộp mục III. Phí về giống cây trồng lâm nghiệp vào mục I. Phí về giống cây trồng.

4. Về nội dung thu phí, lệ phí

4.1. Bỏ một số nội dung thu phí, lệ phí

Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị bỏ một số nội dung thu phí, lệ phí có trong dự thảo sau đây:

a) Phí khảo nghiệm VCU giống cây cà phê (I.4) và phí khảo nghiệm VCU giống cây mía (I.5): Theo Pháp lệnh giống cây trồng 2005 và Quyết định số 95/2007/QĐ-BNN ngày 27 tháng 11 năm 2007 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về khảo nghiệm và công nhận giống cây trồng mới (Quyết định số 95/2007/QĐ-BNN) chỉ có 4 loài cây trồng lúa, ngô, lạc, đậu tương bắt buộc khảo nghiệm Quốc gia do cơ sở khảo nghiệm được chỉ định thực hiện, còn lại tác giả giống tự khảo nghiệm. Giống cà phê và mía do tác giả giống tự khảo nghiệm; vì vậy không cần quy định thu phí, lệ phí.

b) Phí giám sát người lấy mẫu (II.26) và người kiểm định (II.27), Lệ phí cấp giấy chứng nhận người lấy mẫu (IV.2), Cấp giấy chứng nhận người kiểm định (IV.4): Theo Thông tư 32/2011/TT-BNNPTNT ngày 17/6/2010 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Quy định về chỉ định và quản lý hoạt động người lấy mẫu, người kiểm định, phòng kiểm nghiệm, tổ chức chứng nhận chất lượng giống, sản phẩm cây trồng và phân bón (Thông tư 32/2011/TT-BNNPTNT) và Thông tư 17/2011/TT-BNNPTNT sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về thủ tục hành chính trong lĩnh vực trồng trọt theo Nghị quyết 57/NQ-CP ngày 15/12/2010 (Nghị quyết 57/NQ-CP) không quy định thủ tục chỉ định, giám sát người lấy mẫu, người kiểm định giống cây trồng.

c) Lệ phí tra cứu thông tin (III.5): Vì hiện nay các thông tin liên quan đến bảo hộ giống cây trồng được công khai trên internet.

4.2. Một số nội dung thu phí, lệ phí đề nghị bổ sung

Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị bổ sung một số nội dung sau đây:

a) Phí duy trì hiệu lực bằng bảo hộ (II.3) với mức thu tương tự như quy định tại II.8 của Biểu mức thu phí, lệ phí tại Quyết định số 11/2008/QĐ-BTC ngày 19/2/2008 về việc quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí, lệ phí trong lĩnh vực giống cây trồng (Quyết định số 11/2008/QĐ-BTC). Phí duy trì hiệu lực bằng bảo hộ đã được quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 170 Luật SHTT 2005, là nguồn thu chủ yếu để cơ quan quản lý nhà nước thực thi các hoạt động bảo hộ quyền đối với giống cây trồng và hàng năm nộp phí thành viên Hiệp hội quốc tế bảo hộ giống cây trồng mới mà Việt Nam là thành viên chính thức từ 2006 (khoảng 8 nghìn USD/năm).

b) Phí chỉ định, giám sát phòng kiểm nghiệm, tổ chức chứng nhận (III.2):

- Theo điểm b khoản 1 Điều 5 Luật Chất lượng sản phẩm hàng hóa, Điều 3 Nghị định 132/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hoá; Thông tư 05/2009/TT-BNNPTNT ngày 28/8/2009 của Bộ Nông nghiệp và PTNT Ban hành Danh mục sản phẩm, hàng hóa có khả năng gây mất an toàn thuộc trách nhiệm quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn: giống cây trồng, phân bón, một số sản phẩm trồng trọt (rau, quả, chè, tiêu, điều, cà phê) là sản phẩm nhóm 2 quản lý chất lượng theo quy chuẩn kỹ thuật.

- Để quản lý chất lượng các đối tượng sản phẩm nhóm 2, Bộ Nông nghiệp và PTNT phải ban hành các Quy chuẩn kỹ thuật và chỉ định các tổ chức đánh giá sự phù hợp với các quy chuẩn kỹ thuật (phòng kiểm nghiệm, tổ chức chứng nhận) và giám sát quá trình hoạt động của các phòng kiểm nghiệm, tổ chức chứng nhận đã được chỉ định. Theo Thông tư 32/2010/TT-BNNPTNT thì việc chỉ định và giám sát do Đoàn đánh giá gồm 3-5 người là chuyên gia đánh giá tại thực địa theo TCVN 4757 và TCVN/ISO 17025.

- Vì vậy, để hình thành hệ thống phòng kiểm nghiệm, tổ chức chứng nhận theo hướng xã hội hóa để giúp quản lý chất lượng 3 nhóm sản phẩm : giống cây trồng, phân bón, sản phẩm cây trồng thì cần quy định tổ chức được chỉ định phải trả phí cho hoạt động chỉ định và giám sát sau chỉ định. Vì ngân sách nhà nước không bố trí cho các hoạt động này.

- Quyết định 11/2008/QĐ-BTC đã quy định phí chỉ định (trước đây gọi là công nhận), giám sát phòng kiểm nghiệm giống cây trồng. Vì vậy, Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị bổ sung thêm phí chỉ định, giám sát đối với phòng kiểm nghiệm phân bón và tổ chức chứng nhận giống cây trồng, phân bón, sản phẩm cây trồng nhằm sớm hình thành hệ thống PKN, TCCN để thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước về chất lượng sản phẩm, hàng hóa.

c) Lệ phí cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng (II.4):

Theo quy định tại khoản 5 Điều 165 Luật SHTT sửa đổi năm 2009 và Điều 36 Nghị định số 88/2010/NĐ-CP ngày 26/8/2010 Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về quyền đối với giống cây trồng (Nghị định số 88/2010/NĐ-CP): Cá nhân là công dân Việt Nam; thường trú tại Việt Nam; có trình độ đại học trở lên, đã trực tiếp làm công tác pháp luật về quyền đối với giống cây trồng liên tục từ năm năm hoặc tốt nghiệp khóa đào tạo pháp luật về quyền đối với giống cây trồng sẽ được Bộ Nông nghiệp và PTNT (Cục Trồng trọt) cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng để hành nghề.

d) Lệ phí cấp Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng (II.4):

Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Luật SHTT sửa đổi năm 2009 và Điều 44 Nghị định số 119/2010/NĐ-CP ngày 30/12/2010 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/ 9/ 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ (Nghị định số 119/2010/NĐ-CP): Cá nhân là công dân Việt Nam; thường trú tại Việt Nam; có phẩm chất đạo đức tốt; có trình độ đại học trở lên, đã qua thực tế hoạt động chuyên môn từ năm năm trở lên và đạt yêu cầu kiểm tra nghiệp vụ về giám định sẽ được Bộ Nông nghiệp và PTNT (Cục Trồng trọt) cấp Thẻ giám định viên để được hành nghề.

đ) Lệ phí ghi nhận, ghi nhận lại, sửa đổi thông tin về tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng; cấp lại chứng chỉ hành nghề đại diện quyền đối với giống cây trồng (VI.6):

Theo Khoản 3 Điều 35 Nghị định 88/2010/NĐ-CP, tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng đăng ký hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng phải nộp lệ phí theo quy định, bao gồm lệ phí ghi nhận vào Sổ đăng ký quốc gia, ghi nhận lại, sửa đổi thông tin về tổ chức dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng.

e) Lệ phí cấp, cấp lại, sửa đổi thông tin Giấy chứng nhận tổ chức giám định quyền đối với giống cây trồng; lệ phí cấp lại Thẻ giám định viên (VI.6):

Theo điểm d khoản 2 Điều 43 và điểm g khoản 4 Điều 44 của Nghị định số 119/2010/NĐ-CP tổ chức giám định và giám định viên phải trả phí, lệ phí liên quan đến việc cấp, cấp lại, sửa đổi thông tin trên giấy đã được cơ quan có thẩm quyền cấp.

g) Lệ phí cấp giấy phép xuất khẩu, nhập khẩu phân bón, vì đây cũng là một hoạt động QLNN cần phải thu lệ phí (IV.2).

4.3. Một số nội dung thu phí, lệ phí tạm thời chưa quy định

Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị có thể tạm thời chưa quy định phí, lệ phí đối với một số nội dung sau đây tại thời điểm này:

a) Phí thẩm định, chỉ định cơ sở khảo nghiệm VCU (I.37); phí thẩm định chỉ định lại, mở rộng phạm vi chỉ định cơ sở khảo nghiệm VCU (I.38) và lệ phí cấp giấy chứng nhận cơ sở khảo nghiệm (IV.5): Theo Pháp lệnh giống 2005 và Quyết định số 95/2007/QĐ-BNN chỉ có 4 loại cây trồng lúa, ngô, lạc, đậu tương bắt buộc khảo nghiệm giống quốc gia do cơ sở khảo nghiệm được chỉ định tiến hành, còn lại tác giả giống tự khảo nghiệm.

Hiện nay các cơ sở khảo nghiệm VCU, DUS đã được chỉ định, chủ yếu là các Viện nghiên cứu, Trung tâm nghiên cứu, khảo nghiệm thuộc Bộ; xu hướng chung là giảm dần khảo nghiệm quốc gia, tăng hình thức tác giá tự khảo nghiệm, tự chịu trách nhiệm kết quả khảo nghiệm, nên thời gian tới sẽ không chỉ định mới thêm. Vì vậy, mặc dù Nghị quyết 57/NQ-CP có yêu cầu quy định phí, lệ phí liên quan đến nội dung này; tuy nhiên tại thời điểm này, Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị có thể tạm thời chưa quy định phí, lệ phí về nội dung này.

b) Phí thẩm định yêu cầu phục hồi hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng (II.4): Mặc dù theo Thủ tục 46. Lĩnh vực Trồng trọt - Nghị Quyết 57/NQ-CP và Khoản 5 Điều 170 Luật SHTT 2005 yêu cầu quy định thu phí, lệ phí hoạt động này. Tuy nhiên, công việc này rất ít khi xảy ra.

c) Một số hoạt động quản lý nhà nước khác về bảo hộ giống cây trồng: Mặc dù chưa có trong dự thảo của Bộ tài chính, nhưng theo quy định của văn bản pháp luật hiện hành thì có thu phí, lệ phí; tuy nhiên, các hoạt động này diễn ra không thường xuyên, với tần xuất thấp và trong bối cảnh hiện nay đang thực hiện Nghị quyết 11/NQ-CP chưa nên quy định thu phí, lệ phí tại Thông tư này.

Bộ Nông nghiệp và PTNT cho rằng đối với các nội dung nói trên có thể tạm thời chưa quy định; tuy nhiên đề nghị Bộ Tài chính ghi nhận, cho phép bổ sung vào thời điểm thích hợp (Phụ lục 5).

5. Mức thu phí, lệ phí

Dự thảo của Bộ Tài chính về cơ bản vẫn giữ nguyên mức thu tương tự như Quyết định số 11/2008/QĐ-BTC. Tuy nhiên, từ 2008 đến nay lạm phát đã tăng lên mức gần 100%; vật tư, nhân công, các dịch vụ liên quan đến hoạt động QLNN và dịch vụ công đều tăng cao.

Bộ Nông nghiệp và PTNT cho rằng, mặc dù hiện nay cả nước đang phải thực hiện Nghị quyết 11/NQ-CP về kiềm chế lạm phát; tuy nhiên, việc tiếp tục duy trì mức thu như năm 2008 là quá thấp, sẽ không đủ chi phí cho các hoạt động quản lý nhà nước, trong bối cảnh ngân sách nhà nước không bố trí cho các hoạt động này. Vì vậy, Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị mức tăng so với mức thu quy định tại Quyết định số 11/2008/QĐ-BTC cụ thể như sau:

a) Tăng 150%:

- Mục I.A.11 và I.B.1 Hội đồng công nhận giống cây trồng mới (đây là hội đồng khoa học nên phải trả thù lao đọc báo cáo, họp hội đồng theo quy định mới của Bộ Tài chính);

b) Mức tăng 100%:

- Mục I.A.7 lấy mẫu giống tại 1 điểm (chi phí đi lại, tiền ngủ, lưu trú của người đi lấy mẫu tăng cao...);

- Mục I.A.10 và I.B.3 thẩm định, công nhận, công nhận lại vườn cây đầu dòng (do Sở NN&PTNT thực hiện, chi phí đi lại, tiền ngủ, lưu trú của người đi đánh giá tăng cao);

- Các mục IV.1, IV.2, V.1, VI.2 lệ phí cấp các loại giấy phép, bằng bảo hộ (Các chi phí dịch vụ, điện nước, bưu điện ...đều tăng cao)

c) Mức tăng 50%: Đối với các nội dung thu còn lại, trừ 1 số nội dung thu đề xuất mới đề.

(Chi tiết theo Phụ lục 1 – Biểu mẫu thu phí, lệ phí lĩnh vực trồng trọt và giống cây lâm nghiệp; Phụ lục 2- Giải trình bổ sung lý do tăng mức thu phí, lệ phí và Phụ lục 3- Các nội dung tạm thời chưa thu phí, lệ phí)

Bộ Nông nghiệp và PTNT gửi Bộ tài chính để nghiên cứu, chỉnh sửa và ban hành theo thẩm quyền quy định.

Nơi nhận:

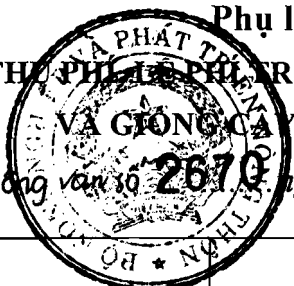
- Như trên;
- Bộ trưởng (b/c);
- Vụ Chính sách thuế - BTC;
- Cục TT; TCLN;
- Lưu: VP, TC.



Phụ lục 1

BIỂU MỨC THU PHÍ VÀ PHÍ TRONG LĨNH VỰC TRỒNG TRỌT VÀ GIỐNG CÂY LÂM NGHIỆP

(Ban hành kèm theo công văn số 267/QĐ-NTN ngày 16/9 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)



STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu QĐ11/2007 (1000 đồng)	Mức thu Dự thảo BTC (1000 đồng)	Mức thu đề nghị của BNN&PTNT (1000 đồng)
I	Phí về giống cây trồng				
A	Giống cây trồng nông nghiệp				
1	Khảo nghiệm DUS				
	- Khảo nghiệm DUS giống cây hàng vụ (cây ngắn ngày)	01 giống	7.500	8.300	11.250*
	- Khảo nghiệm DUS giống cây hàng năm	01 giống	10.000	11.000	15.000
	- Khảo nghiệm DUS giống cây lâu năm	01 giống	22.000	24.000	33.000
	- Tác giả tự khảo nghiệm DUS: nộp 50% mức phí khảo nghiệm				
2	Khảo nghiệm VCU giống cây hàng vụ	01 giống/01 vụ/01 điểm	850	940	1.275
3	Kiểm định dòng G1 giống cây ngắn ngày				
	- Bằng hoặc ít hơn 20 dòng		1.200	1.200	1.800
	- Từ dòng thứ 21 đến dòng thứ 50	01 dòng	50	50	75
	- Từ dòng thứ 51 đến dòng thứ 100	01 dòng	30	30	45
	- Từ dòng thứ 101 trở lên	01 dòng	25	25	50
4	Kiểm định dòng G2 giống cây ngắn ngày				
	- Bằng hoặc ít hơn 5 dòng		1.200	1.200	1.800
	- Từ dòng thứ 6 đến dòng thứ 10	01 dòng	180	180	270
	- Từ dòng thứ 11 đến dòng thứ 20	01 dòng	110	110	165
	- Từ dòng thứ 21 đến dòng thứ 30	01 dòng	80	80	120
	- Từ dòng thứ 31 trở lên	01 dòng	65	65	100

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu QĐ11/2007 (1000 đồng)	Mức thu Dự thảo BTC (1000 đồng)	Mức thu đề nghị của BNN&PTNT (1000 đồng)
5	Kiểm định ruộng giống cây ngắn ngày (giống thuần):				
	- Bằng hoặc ít hơn 5 ha	01 điểm	703	703	1.050
	- Lớn hơn 5 ha	01 ha	145	145	215
6	Kiểm định ruộng giống cây ngắn ngày (giống lai):				
	- Bằng hoặc ít hơn 5 ha	01 điểm	960	960	1.500
	- Lớn hơn 5 ha	01 ha	194	194	300
7	Lấy mẫu giống				
	- Bằng hoặc ít hơn 02 mẫu/điểm	01 Điểm	300	300	600
	- Bằng hoặc lớn hơn 03 mẫu/điểm	01 Mẫu	150	150	225
8	Kiểm nghiệm mẫu hạt giống, củ giống cây trồng nông nghiệp				
	- Tất cả các chỉ tiêu đối với hạt giống	01 Mẫu	300	300	450
	--1 chỉ tiêu đối với hạt giống	01 Mẫu	150	150	225
	- Kiểm nghiệm củ giống: có kiểm tra virus	01 Mẫu	650	650	800
	- Kiểm nghiệm củ giống: không kiểm tra virus	01 Mẫu	150	150	300
9	Hậu kiểm, tiền kiểm giống cây ngắn ngày				
10	- Siêu nguyên chủng, dòng bố mẹ	01 Mẫu	700	700	1.050
	- Nguyên chủng, xác nhận, F1	01 Mẫu	500	500	725
11	Cây công nghiệp và cây ăn quả lâu năm				
	- Thăm định, công nhận cây đầu dòng	01 Cây	2.000	2.000	2.000
	- Thăm định, công nhận lại cây đầu dòng	01 Cây	Chưa quy định	1.400	1.400
	- Thăm định, công nhận vườn cây đầu dòng	01 Vườn	500	500	1.000
	- Thăm định công nhận lại vườn cây đầu dòng	01 Giống	Chưa quy định	350	700

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu QĐ11/2007 (1000 đồng)	Mức thu Dự thảo BTC (1000 đồng)	Mức thu đề nghị của BNN&PTNT (1000 đồng)
	- Kiểm định cây giống , trừ giống chè	1.000 cây	400	400	400
	- Kiểm định cây giống chè	1.000 cây	Chưa quy định		50
12	Hội đồng công nhận giống cây trồng nông nghiệp mới	01 Giống	1.300	1.300	4.500
B	Giống cây lâm nghiệp				
1	Hội đồng công nhận giống cây lâm nghiệp mới	01 Giống	1.300	1.300	4.500
2	Công nhận cây trội	01 Cây	300	300	450
3	Công nhận vườn cây đầu dòng	01 Giống	500	500	1.000 *
4	Thẩm định công nhận lại vườn cây đầu dòng	01 Giống	350	350	475
5	Công nhận lâm phần tuyển dụng	01 Giống	500	500	750
6	Công nhận rừng giống, vườn giống	01 Vườn, rừng giống	1.500	1.500	2.750
7	Công nhận nguồn gốc lô giống	01 Lô giống	500	500	750
II	Phí về bảo hộ giống cây trồng				
1	Thẩm định đơn	01 Lần	2.000	2.000	2.000
2	Thẩm định lại đơn khi người nộp đơn yêu cầu thì người nộp đơn phải nộp 50% lần đầu	01 Lần	1.000	1.000	1.000
3	Duy trì hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng				
	- Từ năm thứ 1 đến năm thứ 3	01 giống/01 năm	3.000		3.000
	- Từ năm thứ 4 đến năm thứ 6	01 giống/01 năm	5.000		5.000
	- Từ năm thứ 7 đến năm thứ 9	01 giống/01 năm	7.000		7.000
	- Từ năm thứ 10 đến năm thứ 15	01 giống/01 năm	10.000		10.000
	- Từ năm thứ 16 đến hết thời gian hiệu lực của Bằng bảo hộ	01 giống/01 năm	20.000		20.000
4	Cấp Chứng chỉ hành nghề dịch vụ đại diện quyền đối với giống cây trồng, Thẻ giám định viên quyền đối với giống cây trồng	01 người	Chưa quy định		5.200

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu QĐ11/2007 (1000 đồng)	Mức thu Dự thảo BTC (1000 đồng)	Mức thu đề nghị của BNN&PTNT (1000 đồng)
III	Phí công nhân (chỉ định), giám sát phòng kiểm nghiệm, tổ chức chứng nhận lĩnh vực trồng trọt				
1	Thử nghiệm liên phòng	01 Phòng/lần	3.100	3.100	4.500
2	Chỉ định, giám sát phòng kiểm nghiệm, tổ chức chứng nhận				
	- Chỉ định lần đầu	01 Phòng, TCCN/lần	10.000	10.000	15.000
	- Chỉ định lại, mở rộng phạm vi chỉ định	Phòng, TCCN/lần	Chưa quy định		10.000
	- Giám sát	Phòng, TCCN/lần	5.000	5.000	7.500
IV	Lệ phí về giống cây nông nghiệp và phân bón				
1	Cấp giấy phép xuất, nhập khẩu giống, nguồn gen cây trồng nông nghiệp	01 Giấy	100	100	200
2	Cấp giấy chứng nhận cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng	01 Giấy	100	100	200
3	Cấp giấy chứng nhận phòng kiểm nghiệm, tổ chức chứng nhận giống cây trồng, phân bón, sản phẩm cây trồng	01 Giấy	100	100	200
4	Cấp giấy phép xuất, nhập khẩu phân bón	01 Giấy	100	100	200
V	Lệ phí về giống cây lâm nghiệp				
1	Cấp giấy phép xuất, nhập khẩu giống, nguồn gen cây trồng lâm nghiệp	01 Giấy	100	100	200
2	Cấp chứng chỉ công nhận giống cây trồng lâm nghiệp mới	01 Giấy	100	100	200
3	Cấp chứng chỉ công nhận nguồn gốc lô giống	01 Giấy	100	100	200
VI	Lệ phí về bảo hộ giống cây trồng				
1	Cấp phiên bản Bằng bảo hộ giống cây trồng	Bằng	350	350	350
2	Sửa đổi, cấp lại Bằng bảo hộ giống cây trồng	Bằng	100	100	200
3	Xét hưởng quyền ưu tiên	Lần	250	250	250

STT	Nội dung thu	Đơn vị tính	Mức thu QĐ11/2007 (1000 đồng)	Mức thu Dự thảo BTC (1000 đồng)	Mức thu đề nghị của BNN&PTNT (1000 đồng)
4	Đăng ký hợp đồng chuyển nhượng quyền đối với giống cây trồng được bảo hộ	Lần	Chưa quy định	250	250
5	Sửa đổi, bổ sung đơn, chuyển nhượng đơn, chuyển nhượng quyền nộp đơn	01 lần	Chưa quy định		200
6	Ghi nhận, ghi nhận lại, sửa đổi thông tin về Tổ chức giám định, Tổ chức dịch vụ đại diện về quyền đối với giống cây trồng;	01 tổ chức/lần	Chưa quy định		200
7	Cấp, cấp lại Thẻ giám định viên, Giấy chứng chỉ hành nghề đại diện về quyền đối với giống cây trồng	01 người/lần	Chưa quy định		200

Phụ lục 2
GIẢI TRÌNH BỔ SUNG
LÝ DO TĂNG MỨC THU PHÍ, LỆ PHÍ

1. Hoạt động khảo nghiệm DUS và VCU:

Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị tăng 50% so với Quyết định số 11/2008/QĐ-BTC với các lý do sau đây:

- Mức thu tại Quyết định số 11/2008/QĐ-BTC được xây dựng theo định mức năm 2004, nên không phù hợp với tình hình giá cả hiện nay;

- Khảo nghiệm là phải gieo trồng cây trên đồng ruộng và phòng thí nghiệm: chi phí phân bón, giống, thuốc BVTV, xăng dầu, điện, nước... đều tăng cao so với năm 2004 và 2008;

- Người làm khảo nghiệm là các cán bộ khoa học (trình độ TS, ThS, KS...) phải theo dõi đánh giá giống ngoài đồng ruộng, trong điều kiện vất vả; trong khi đơn vị khảo nghiệm là đơn vị sự nghiệp khoa học phải gắn thu bù chi, không được nhà nước bao cấp;

- Đối tượng phải nộp phí là các doanh nghiệp trong và ngoài nước, viện nghiên cứu (phí khảo nghiệm được bố trí trong kinh phí nghiên cứu). Một năm trung bình có khoảng 100-150 giống mới đăng ký khảo nghiệm. Nên việc tăng mức thu không ảnh hưởng đến chỉ số CPI.

2. Hoạt động kiểm định đồng ruộng, hậu kiểm giống cây trồng

Bộ Nông nghiệp và PTNT đề nghị tăng 50% so với Quyết định số 11/2008/QĐ-BTC với các lý do sau đây:

- Mức thu tại Quyết định số 11/2008/QĐ-BTC được xây dựng theo định mức năm 2004, nên không phù hợp với tình hình giá cả hiện nay;

- Kiểm định, hậu kiểm là hoạt động phải gieo trồng, đánh giá dòng, cây giống trên đồng ruộng. Người thực hiện là các cán bộ trình độ TS, ThS, KS... phải theo dõi đánh giá giống ngoài đồng ruộng, trong điều kiện vất vả; trong khi đơn vị kiểm nghiệm chất lượng giống cây trồng là đơn vị sự nghiệp khoa học phải gắn thu bù chi, không được nhà nước bao cấp;

- Đối tượng phải nộp phí là các doanh nghiệp trong và ngoài nước sản xuất, kinh doanh giống cây trồng. Việc tăng mức thu không ảnh hưởng đến chỉ số CPI, vì mức đề nghị ảnh hưởng đến giá 1 kg giống là không đáng kể:

Ví dụ:

+ Phí kiểm định 5 dòng siêu nguyên chủng G2 tại 01 điểm cây ngăn ngày (I.4) từ 1.200 nghìn lên 1.800 nghìn: 01 dòng G2 trung bình cho 500 kg hạt giống SNC, nếu phí kiểm định tăng 1.800 nghìn, thì 01 kg SNC chỉ tăng 220 đồng/kg. Hạt SNC này không bán, chỉ sử dụng nhân tiếp hạt giống cấp nguyên chủng (NC): 01 kg SNC sản xuất được 150 kg nguyên chủng và từ đó nhân tiếp được 5 tấn giống xác nhận (

XN) là hạt giống bán cho nông dân gieo trồng. Như vậy, thực tế việc tăng phí kiểm định dòng SNC như đề xuất, chỉ làm tăng 0,0003 đồng/1 kg hạt giống lúa.

+ Phí 01 ha kiểm định ruộng giống cây ngắn ngày (I.5) từ 194 nghìn lên 300 nghìn ha: 1ha lúa giống cho thu hoạch 4 tấn hạt giống, như vậy với việc tăng phí kiểm định chỉ làm tăng 0,00026 đồng /1kg hạt giống.

3. Hoạt động kiểm nghiệm mẫu hạt giống

Đề nghị tăng 50% so với Quyết định số 11/2008/QĐ-BTC với các lý do sau đây:

- Mức thu tại Quyết định số 11/2008/QĐ-BTC được xây dựng theo định mức năm 2004, nên không phù hợp với tình hình giá cả hiện nay;

- Kiểm nghiệm là phải phân tích đánh giá giống trong phòng thí nghiệm: hiện nay chi phí xăng dầu, điện, nước, hóa chất, vật tư thí nghiệm... đều tăng cao so với năm 2004 và 2008;

- Người làm kiểm nghiệm chất lượng là các cán bộ có trình độ TS, ThS, KS; phải theo dõi đánh giá giống trong điều kiện môi trường phòng thí nghiệm; trong khi đây là đơn vị sự nghiệp hoặc doanh nghiệp phải gắn thu bù chi, không được bao cấp;

- Đối tượng phải nộp phí là các doanh nghiệp trong và ngoài nước sản xuất, kinh doanh giống cây trồng. Việc tăng mức thu không ảnh hưởng đến chỉ số CPI, vì mức đề nghị ảnh hưởng đến giá 1 kg giống là không đáng kể:

Ví dụ: Phí kiểm nghiệm 01 mẫu hạt giống (I.8) từ 300 nghìn lên 450 nghìn: trung bình 01 lô hạt giống lúa là 25 tấn; 01 lô chỉ phải lấy 01 mẫu để kiểm nghiệm; như vậy nếu tăng phí kiểm nghiệm lên 450 nghìn/01 mẫu thì 1kg hạt giống chỉ tăng thêm 0,0006 đồng/kg giống bán cho nông dân.

4. Công nhận giống cây trồng mới

Đề nghị tăng 150% so với Quyết định số 11/2008/QĐ-BTC với các lý do sau đây:

- Hội đồng từ 7-9 người, là các nhà khoa học, quản lý có trách nhiệm thẩm định đề xuất công nhận hay không công nhận giống cây trồng mới; vì vậy phải trả thù lao đọc báo cáo, phản biện, họp hội đồng theo quy định mới của Bộ Tài chính đối với Hội đồng KH-CN cấp Bộ.

- Số lượng giống công nhận 01 năm không lớn: 50-70 giống/năm.

5. Công nhận, công nhận lại vườn cây đầu dòng, vườn giống, rừng giống

Đề nghị tăng 50% so với Quyết định số 11/2008/QĐ-BTC với lý do:

- Hoạt động này do Sở NN&PTNT thành lập Hội đồng (các nhà khoa học, quản lý ở TW và địa phương); các chi phí phải thanh toán gồm: tiền xăng xe, lưu trú, công tác phí, thù lao cho chuyên gia...

- Số lượng giống vườn giống công nhận 01 năm không lớn: 100-200 vườn giống/năm.

6. Lệ phí cấp giấy phép các loại

Đề nghị tăng 100% so với Quyết định số 11/2008/QĐ-BTC với lý do:

Các chi phí dịch vụ, điện nước, bưu điện, giá vật tư giấy, mực in, dịch vụ sửa chữa máy tính, photocopy ... đều tăng cao so với 2008.

7. Công nhận (chỉ định), giám sát phòng kiểm nghiệm, tổ chức chứng nhận

Đề nghị tăng 50% so với Quyết định số 11/2008/QĐ-BTC với lý do:

- Để công nhận, chỉ định Bộ phải thành lập Hội đồng đánh giá từ 5-7 người, là các nhà khoa học, chuyên gia lĩnh vực, nhà quản lý có trách nhiệm thẩm định, đánh giá đề xuất công nhận/chỉ định hay không công nhận/chỉ định PKN, TCCN; vì vậy phải trả thù lao đọc báo cáo, phản biện, họp hội đồng và các chi phí xăng xe, lưu trú, công tác phí cho Hội đồng đánh giá.

- Cơ quan quản lý phải đánh giá hồ sơ, ban hành quyết định, quản lý hồ sơ, và theo dõi cơ sở được công nhận/chỉ định trong suốt quá trình hành nghề của đơn vị đó.

Phụ lục 3. Các nội dung tạm thời chưa quy định thu phí, lệ phí

STT	Hoạt động thu phí, lệ phí	Căn cứ thu phí, lệ phí
1	Phí chỉ định tổ chức, cá nhân khảo nghiệm DUS, VCU	Thủ tục 48 Lĩnh vực Trồng trọt Nghị Quyết 57/NQ-CP
2	Phí phục hồi hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng	Thủ tục 46. Lĩnh vực Trồng trọt Nghị Quyết 57/NQ-CP; Khoản 5 Điều 170 Luật SHTT 2005
3	Phí yêu cầu ra quyết định bắt buộc chuyên giao quyền sử dụng quyền đối với giống cây trồng	Điểm e Khoản 2 Điều 31 Nghị định 88/2010/NĐ-CP
4	Phí sửa chữa, đình chỉ, hủy bỏ quyền sử dụng quyền đối với giống cây trồng theo quyết định bắt buộc	Điểm d Khoản 3 Điều 32 Nghị định 88/2010/NĐ-CP
5	Lệ phí nộp hồ sơ yêu cầu sửa đổi, bổ sung đơn, chuyển nhượng đơn, chuyển nhượng quyền nộp đơn	Khoản 2 Điều 179 Luật SHTT 2005
6	Lệ phí nộp đơn yêu cầu ra quyết định bắt buộc chuyên giao quyền đối với giống cây trồng	Điểm e Khoản 2 Điều 31 Nghị định 88/2010/NĐ-CP

7	Lệ phí nộp đơn yêu cầu sửa đổi, đình chỉ, hủy bỏ quyền sử dụng quyền đối với giống cây trồng theo quyết định bắt buộc	Điểm d Khoản 3 Điều 32 Nghị định 88/2010/NĐ-CP
8	Lệ phí nộp đơn yêu cầu đình chỉ, chấm dứt, hủy bỏ, phục hồi hiệu lực Bằng bảo hộ giống cây trồng	Khoản 5 Điều 170 Luật SHTT 2005